

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 127/2007/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2007

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn thành phố Hà Nội**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí, Lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/09/2003 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/05/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 03/2007/TTLT/ BTC-BTP ngày 10/01/2007 của Bộ Tài chính và Bộ Tư Pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2007/NQ-HĐND ngày 13/07/2007 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội Khoá XIII Kỳ họp thứ 9;

Xét đề nghị của Liên ngành Cục Thuế TPHN - Tài chính - Tài nguyên Môi trường và Nhà đất tại Tờ trình số 2933 /TTr-CTHN-STC-STNMT&ND ngày 09/03/2007 và Liên ngành Cục thuế TPHN - Tài chính - Kho bạc Nhà nước Hà Nội tại Tờ trình số 6906 TTrLN/CTHN-STC-KBHN ngày 07/06/2007,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Đối tượng nộp lệ phí**

Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính và các giao dịch, tài sản khác theo quy định của pháp luật tại các cơ quan

đăng ký giao dịch bảo đảm phải nộp lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, trừ các đối tượng sau:

1. Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại địa phương và đang sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản;
2. Yêu cầu sửa chữa sai sót trong giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của Đăng ký viên;
3. Yêu cầu xoá đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính.

## **Điều 2. Mức thu lệ phí**

(Mỗi hồ sơ yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm được tính là một trường hợp đăng ký):

TT	CÁC TRƯỜNG HỢP NỘP LỆ PHÍ	MỨC THU (đồng/trường hợp)
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm	60.000
2	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	50.000
3	Đăng ký gia hạn giao dịch bảo đảm	40.000
4	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	40.000
5	Yêu cầu sửa chữa sai sót trong đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm	10.000

## **Điều 3. Đơn vị thu lệ phí**

Văn phòng đăng ký đất và nhà thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng đăng ký đất và nhà thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường của Ủy ban Nhân dân quận, huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với những nơi không thành lập Văn phòng đăng ký đất và nhà và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi được Phòng Tài nguyên và Môi trường uỷ quyền thực hiện (Các đơn vị thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm khác thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2007/TTLT/BTC-BTP ngày 10/01/2007).

Đơn vị thu lệ phí có trách nhiệm niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu lệ phí về tên lệ phí, mức thu lệ phí, phương thức thu và cơ quan quy định thu. Khi thu tiền lệ phí phải cấp chứng từ thu lệ phí cho đối tượng nộp lệ phí theo quy định.

## **Điều 4. Quản lý, sử dụng tiền lệ phí thu được**

Đơn vị thu lệ phí nộp Ngân sách Nhà nước 50% và được để lại 50% trên tổng số lệ phí thu được và phải quản lý, sử dụng số tiền phí được để lại theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/07/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/05/2006 của Bộ Tài chính.

### **Điều 5. Chứng từ thu lệ phí**

Sử dụng biên lai thu phí, lệ phí do Cơ quan thuế phát hành.

### **Điều 6. Xử lý vi phạm**

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/09/2003 của Chính phủ và Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 của Bộ Tài chính.

### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính; Tài nguyên Môi trường và Nhà đất; Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Cục Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện; Các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. HT

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 8;
- TT Thành Ủy, TT HĐND TP; (đề
- Bộ Tài chính; (báo
- Đ/c CT UBND TP; (cáo
- Các đ/c PCT UBND TP;
- CPVP, các Phòng CV;
- Lưu VT. HT

(UBND quận, huyện sao gửi  
Quyết định này đến UBND xã,  
phường, thị trấn trực thuộc)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Mạnh Hiên**